

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **218/2019/HNGĐ - ST**

Ngày: 22 - 10 - 2019

V/v “*Ly hôn*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Vinh Toàn – Nơi công tác: Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Lý Tự Trọng.

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Nơi công tác: Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hòa.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Trần Ngọc Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:* Ông Mai Văn Hoàng- Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 739/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Ngọc M**, sinh năm 1984.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 36, khu phố 4C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Kho S, Công ty S, đường số 4, khu công nghiệp A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

*- Bị đơn:* Ông **Cao Đức H**, sinh năm 1974.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 36, khu phố 4C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà M, ông H có mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2019, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải đoàn tụ không thành nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc M trình bày:**

Bà và ông Cao Đức H tự nguyện đến với nhau vào năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31 tháng 3 năm 2005.

Sau khi kết hôn bà và ông Cao Đức H sống hạnh phúc, đến năm 2017 bà và ông Cao Đức H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau. Bà và ông Cao Đức H sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, cuộc sống chung trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà xin được ly hôn với ông Cao Đức H.

Về con chung: Bà và ông Cao Đức H có 03 con chung cháu Cao Ngọc T, sinh ngày 30/7/2005, cháu Cao Tấn D, sinh ngày 30/3/2009 và cháu Cao Trần Khánh T, sinh ngày 12/5/2015. Từ khi vợ chồng sống ly thân các con chung sống với ông H, bà vẫn thường xuyên đến chăm sóc con chung. Tháng 6 năm 2019, bà đón cháu Thy về sống với bà. Ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Cao Ngọc T, sinh ngày 30/7/2005 và cháu Cao Trần Khánh T, sinh ngày 12/5/2015, bà đồng ý để ông H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Cao Tấn D, sinh ngày 30/3/2009. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện bà đang làm công nhân của Công ty S, mức lương 8.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Bà và ông Cao Đức H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**- Tại bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải đoàn tụ không thành bị đơn ông Cao Đức H trình bày:**

Ông và bà Trần Thị Ngọc M tự nguyện đến với nhau vào năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31 tháng 3 năm 2005.

Sau khi kết hôn ông và bà Trần Thị Ngọc M sống hạnh phúc, có xảy ra một số mâu thuẫn do ông có lời lẽ xúc phạm bà M khi nóng giận và rượu chè với bạn bè nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình. Ông và bà Trần Thị Ngọc M sống

ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Ông xác định vẫn còn tình cảm với bà Trần Thị Ngọc M, ông không đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Ngọc M.

Về con chung: Ông và bà Trần Thị Ngọc M có 03 con chung cháu Cao Ngọc T, sinh ngày 30/7/2005, cháu Cao Tấn D, sinh ngày 30/3/2009 và cháu Cao Trần Khánh T, sinh ngày 12/5/2015. Từ khi ông và bà M sống ly thân các con chung sống với ông, bà M có đến thăm nom con chung nhưng không thường xuyên, bà M không cấp dưỡng cho các con chung trong thời gian ly thân. Tháng 6 năm 2019, bà M đón cháu Thy về sống với bà M. Hiện ông đang làm việc tại Công ty cổ phần mạ kẽm công nghiệp V, mức lương trung bình 15.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Ông và bà Trần Thị Ngọc M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

### **Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:**

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

### **Về việc giải quyết tranh chấp:**

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Trần Thị Ngọc M và ông Cao Đức H là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa bà Trần Thị Ngọc M và ông Cao Đức H phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau. Nay xác định tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên bà M làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông H. Ông H không muốn ly hôn vì không muốn gia đình tan vỡ và ảnh hưởng đến con cái. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà M và ông H là nghiêm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu ly hôn là có căn cứ theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Bà Trần Thị Ngọc M và ông Cao Đức H có 03 con chung cháu Cao Ngọc T, sinh ngày 30/7/2005, cháu Cao Tấn D, sinh ngày 30/3/2009 và cháu Cao Trần Khánh T, sinh ngày 12/5/2015. Ly hôn bà M xin nuôi 02 cháu Cao Ngọc T, Cao Trần Khánh T và đồng ý để ông H nuôi cháu Cao Tuấn Dũng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, căn cứ các Điều 92, 93, 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Giao cháu Cao Ngọc T, cháu Cao Trần Khánh T cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Cao Tuấn Dũng cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà M phải chịu án phí sơ thẩm.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về quan hệ hôn nhân:**

Bà Trần Thị Ngọc M và ông Cao Đức H kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31 tháng 3 năm 2005 đúng theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Trần Thị Ngọc M trình bày quá trình vợ chồng chung sống bà Trần Thị Ngọc M và ông Cao Đức H hạnh phúc đến năm 2017 bà và ông Cao Đức H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau. Bà Trần Thị Ngọc M và ông Cao Đức H sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay bà Trần Thị Ngọc M xác định tình cảm không còn, bà Trần Thị Ngọc M xin được ly hôn với ông Cao Đức H. Ông Cao Đức H trình bày sau khi kết hôn ông H và bà Trần Thị Ngọc M sống hạnh phúc, có xảy ra một số mâu thuẫn do ông có lời xúc phạm bà M khi nóng giận và rượt chèn với bạn bè nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình. Ông và bà Trần Thị Ngọc M sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Ông H xác định vẫn còn tình cảm với bà Trần Thị Ngọc M, ông H không đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Ngọc M.

Tại biên bản xác minh ngày 13/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai: Bà Trần Thị Ngọc M và ông Cao Đức H không đăng ký kết hôn tại địa phương. Quá trình chung sống bà Trần Thị Ngọc M và ông Cao Đức H có mâu thuẫn hay không địa phương không nắm được do bà Trần Thị Ngọc M và ông Cao Đức H không báo cho địa phương biết. Về con chung: có 03 con chung cháu Cao Ngọc T, sinh ngày 30/7/2005, cháu Cao Tấn D, sinh ngày 30/3/2009 và cháu Cao Trần Khánh T, sinh ngày 12/5/2015, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: địa phương không nắm.

Xét mâu thuẫn giữa bà Trần Thị Ngọc M và ông Cao Đức H đã xảy ra, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cho bà Trần Thị Ngọc M được ly hôn với ông Cao Đức H.

[2] Về con chung: Bà Trần Thị Ngọc M và ông Cao Đức H có 03 con chung cháu Cao Ngọc T, sinh ngày 30/7/2005, cháu Cao Tấn D, sinh ngày 30/3/2009 và cháu Cao Trần Khánh T, sinh ngày 12/5/2015. Bà Trần Thị Ngọc M có nguyện vọng nuôi cháu Cao Ngọc T và cháu Cao Trần Khánh T, bà Trần Thị Ngọc M không yêu cầu ông Cao Đức H cấp dưỡng nuôi hai con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình quy định “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với

con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Tại bản tự khai ngày 13/6/2019 cháu Cao Ngọc T, sinh ngày 30/7/2005 có nguyện vọng sống với bà Trần Thị Ngọc M, mặt khác cháu Cao Ngọc T và cháu Cao Trần Khánh T là nữ cần có sự chăm sóc của bà Mai và để đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu Trúc, cháu Thy. Vì vậy, giao hai con chung cháu Cao Ngọc T, sinh ngày 30/7/2005 và cháu Cao Trần Khánh T, sinh ngày 12/5/2015 cho bà Trần Thị Ngọc M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Do bà Trần Thị Ngọc M không yêu cầu ông Cao Đức H cấp dưỡng nuôi hai con chung nên tạm thời ông Cao Đức H không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Tại bản tự khai ngày 16/5/2019 cháu Cao Tấn D, sinh ngày 30/3/2009 có nguyện vọng sống với ông Cao Đức H. Nên giao con chung cháu Cao Tấn D, sinh ngày 30/3/2009 cho ông Cao Đức H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời bà Trần Thị Ngọc M không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Thị Ngọc M và ông Cao Đức H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Ngọc M và ông Cao Đức H tự thỏa thuận về tài sản chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc M phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về việc giải quyết tranh chấp và nghĩa vụ chịu án phí của bà Trần Thị Ngọc M là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 203, 220, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**TUYÊN XỬ:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc M đối với ông Cao Đức H về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc M được ly hôn với ông Cao Đức H.

- Về con chung: Bà Trần Thị Ngọc M và ông Cao Đức H có 03 con chung cháu Cao Ngọc T, sinh ngày 30/7/2005, cháu Cao Tấn D, sinh ngày 30/3/2009 và cháu Cao Trần Khánh T, sinh ngày 12/5/2015.

Giao hai con chung cháu Cao Ngọc T, sinh ngày 30/7/2005 và cháu Cao Trần Khánh T, sinh ngày 12/5/2015 cho bà Trần Thị Ngọc M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Cao Đức H không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Giao con chung cháu Cao Tấn D, sinh ngày 30/3/2009 cho ông Cao Đức H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời bà Trần Thị Ngọc M không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Thị Ngọc M và ông Cao Đức H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Ngọc M và ông Cao Đức H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc M phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm bà Trần Thị Ngọc M nộp theo biên lai số 0004663 ngày 16/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được tính trừ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bà Trần Thị Ngọc M và ông Cao Đức H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai (2);
- THA TP. Biên Hòa (2);

- VKSND TP. Biên Hòa (2);
- Đường sù (2);
- UBND xã T, huyện  
D, tỉnh Bình Dương (1);

**Trần Thị Kim Dung**